

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG THỎ
TỈNH LAI CHÂU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HS-ST
Ngày: 06-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG THỎ TỈNH LAI CHÂU

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Mùi.

Ông Lý Minh Quý.

- Thư ký phiên toà: Bà Lù Thị Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu tham gia phiên toà: Ông Đồng Xuân Tím - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2019/TLST-HS, ngày 16 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST-HS, ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Phàn A V**, tên gọi khác: Phàn A N, sinh năm 1997, tại huyện P, tỉnh L; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: bản S, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu; nghề nghiệp: tự do; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phàn Chin C, sinh năm 1962 và bà Lù Tả M, sinh năm 1966; gia đình bị cáo có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: không; tiền án: 01, bản án số 29/2017/HSST, ngày 28/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện Phong Thổ áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 20, Điều 53 xử phạt bị cáo Phàn A V 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 19/10/2017. Ngày 19/10/2018 Phàn A V chấp hành xong hình phạt về địa phương (chưa được xóa án tích).

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/5/2019 được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo được triệu tập có mặt tại phiên toà.

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Nguyễn Thị Nga- trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Lai Châu (có mặt).

Bị hại: Cháu Châu A D, sinh ngày 22/8/2002, trú tại: bản D, xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

Đại diện cho bị hại: Ông Châu A S, sinh năm 1977, trú tại bản D, xã D, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm 1993, địa chỉ: Thôn T, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ, ngày 20/5/2019, Phan A V (tên gọi khác Phan A N), sinh năm 1997, trú tại bản S, xã B, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu một mình đi bộ từ cửa khẩu M, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu về xã H, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu. Khi đi đến một nhà ở của công nhân xây kè thuộc bản T, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, V nhìn thấy ba thanh niên đang nằm ngủ dưới bóng cây, cách đường Quốc lộ 100 khoảng 10 mét, V lại gần nhìn thấy ở gần vai trái của thanh niên ngủ giữa có một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, màu vàng gold. Quan sát thấy ba nam thanh niên đã ngủ say, xung quanh không có người đi lại V đến gần lấy chiếc điện thoại cất vào túi quần của V và đi ra Quốc lộ 100, đi ngược về hướng xã H. V đi đến ngã ba đường rẽ lên bản T thì gặp một người đi xe máy nên xin đi nhờ. Đến ngã ba K thuộc xã K, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu, V xuống xe lấy điện thoại tháo vút hai sim và thẻ nhớ của chiếc điện thoại xuống đường. Phan A V vào một cửa hàng mua bán điện thoại gần đó bán chiếc điện thoại được 1.000.000 đồng cho chủ cửa hàng, đồng thời mua một chiếc điện thoại NOKIA 109, màu đen, loại bàn phím hết 300.000 đồng, số tiền còn lại Phan A V đi chợ Mường So tiêu sài cá nhân chỉ còn 120.000 đồng.

Chiếc điện thoại OPPO A37 xác định là của cháu Châu A D, là công nhân làm thuê và tạm trú tại xã M, chiếc điện thoại có đặc điểm màn hình cảm ứng, màu vàng gold, kính cường lực đã vỡ, điện thoại vẫn sử dụng được; chiếc điện thoại D mua tháng 2 năm 2019 với giá 3.500.000 đồng. Trưa ngày 20/5/2019, sau khi ăn cơm xong D cùng với hai bạn (người cùng bản, cùng đi làm thuê) đi ngủ, trước khi ngủ D bỏ điện thoại ra mở nhạc nghe. Đến 14 giờ tỉnh dậy không thấy điện thoại nên đã trình báo ban công an xã, cơ quan điều tra.

Cơ quan điều tra đã xác định được đối tượng chiếm đoạt chiếc điện thoại của cháu D là Phan A V, người mua điện thoại là anh Nguyễn Đức H, quá trình triệu tập Phan A V đến làm việc V đã khai nhận toàn bộ sự việc. Chiếc điện thoại V chiếm đoạt còn trị giá **1.500.000** đồng.

Tại phiên tòa ngày hôm nay bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là hoàn toàn đúng; bị hại, đại diện của bị hại vắng mặt nhưng trong hồ sơ đều thể hiện về đặc điểm chiếc điện thoại, thời gian, địa điểm bị mất đúng như bị cáo trình bày; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng vắng mặt tại phiên tòa và đã có lời khai cùng bản nhận dạng xác nhận đúng bị cáo là người bán chiếc điện thoại của cháu D; đồng thời trong đơn xin xét xử vắng mặt và các lời khai trong hồ sơ bị hại, đại diện của bị hại đã được nhận đúng chiếc điện thoại nên không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng có đơn vắng mặt và không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số: 29/CT-VKS, ngày 15 tháng 8 năm 2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu đã truy tố bị cáo Phan A V (tên gọi khác

Phàn A N) về tội “**Trộm cắp tài sản**” theo điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu giữ quyền công tố tại phiên tòa, luận tội, căn cứ kết quả thẩm tra tại phiên tòa khẳng định quyết định truy tố là đúng cần giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm b khoản 1, khoản 5 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung phạt tiền, không xem xét bồi thường dân sự; tịch thu chiếc điện thoại bán hóa giá lấy tiền và số tiền 120.000 đồng để nộp vào ngân sách nhà nước theo khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, miễn án phí cho bị cáo, quyền kháng cáo theo luật.

Bị cáo không có ý kiến bào chữa. Người bào chữa cho bị cáo nhất trí với cáo trạng, luận tội về tội danh, điều khoản áp dụng, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, hình phạt bổ sung, xử lý vật chứng và án phí mà Viện kiểm sát đã truy tố và luận tội. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử cần nhắc xem xét thêm cho bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế khó khăn, không được đi học nên hạn chế về nhận thức, bị cáo phạm tội do một phần lỗi của người bị hại đã để tài sản ở nơi có khả năng nhiều người qua lại sẽ chiếm đoạt; khi bị bắt bị cáo đã tự nguyện giao nộp chiếc điện thoại và số tiền có được do bán chiếc điện thoại trộm cắp mà có để khắc phục một phần hành vi phạm tội của bị cáo gây ra đây là tình tiết đề nghị xem xét cho bị cáo theo khoản 2 Điều 51 và điểm b khoản 1 Điều 51 bộ luật hình sự để cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của người bào chữa, không có ý kiến tranh luận, được nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phong Thổ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Thổ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại, đại diện người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Kiểm sát viên, bị cáo, bào chữa cho bị cáo đề nghị xét xử vắng mặt những người này. Xét thấy, bị hại, đại diện cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt đã có đơn xin xử vắng mặt. Trong quá trình điều tra đã có lời khai đầy đủ, rõ ràng. Do vậy, việc vắng mặt họ không gây cản trở cho việc

xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bản kết luận định giá tài sản, sơ đồ và bản ảnh hiện trường; phù hợp với lời khai của bị cáo tại giai đoạn điều tra, truy tố cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm phạm tội cũng như loại tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt được đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ, ngày 20 tháng 5 năm 2019, Phan A V (tên gọi khác Phan A N) đang trên đường đi bộ về đến một gốc cây ven đường cạnh lán trọ thuộc bản T, xã M, huyện Phong Thổ, tỉnh Lai Châu thì phát hiện cháu Châu A D, sinh ngày 22/8/2002 đang ngủ say, trên mặt đất bên tay trái (gần vai trái) của D có một chiếc điện thoại OPPO A37, loại màn hình cảm ứng màu vàng gold, Phan A V đã dùng tay cầm chiếc điện thoại cất vào túi quần của V. Sau đó V đem tháo bỏ sim, thẻ của chiếc điện thoại rồi bán chiếc điện thoại lấy tiền mua một chiếc điện thoại NOKIA 109, màu đen, loại bàn phím để sử dụng cho bản thân, số tiền còn lại V chi tiêu cho cá nhân còn 120.000 đồng. Trị giá chiếc điện thoại hiện còn giá trị là **1.500.000đ (Bốn triệu đồng)**.

Hành vi lợi dụng sơ hở của chủ tài sản trong việc quản lý, bảo quản tài sản Phan A V đã lén lút chiếm đoạt được chiếc điện thoại là hành vi chiếm đoạt tài sản; hành vi chiếm đoạt tài sản của bị cáo có giá trị dưới 2.000.000 đồng nhưng bản thân bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp chưa được xóa án tích mà lại tiếp tục vi phạm về hành vi chiếm đoạt. Do vậy khẳng định đây chính là hành vi trộm cắp đã hoàn thành, là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ; bị cáo là người đã thành niên, có đủ sức khỏe, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vậy, đủ kết luận bị cáo Phan AV (tên gọi khác Phan A N) phạm tội *“Trộm cắp tài sản”* theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố bị cáo Phan A V là đúng người đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai cần chấp nhận, cụ thể Điều luật quy định:

“Khoản 1: Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

...b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174, 175 và 290 của bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

[4] Đánh giá mức độ nguy hiểm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng; tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; hành vi phạm tội của bị cáo gây thiệt hại không lớn vì đã phát hiện kịp thời trả được tài sản cho chủ sở hữu đây là những tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo theo điểm h, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bản thân bị cáo đã được áp dụng tình tiết khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự vì không biết chữ, sinh sống ở nơi có điều kiện kinh tế, văn hóa khó khăn nên hạn chế về nhận thức, nhưng quá trình đi chấp hành án bị cáo đã được

học tập, giáo dục nên lần phạm tội này Hội đồng xét xử không áp dụng cho bị cáo như đề nghị của người bào chữa.

Xét tính chất hành vi phạm tội của bị cáo và nhân thân của bị cáo Hội đồng xét xử thấy hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhưng nhân thân bị cáo đã bị kết án bằng một bản án đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo đi chấp hành về địa phương chưa hết thời hạn coi là xóa án tích thì bị cáo lại vi phạm đây không phải là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo nhưng điều đó cũng đánh giá ý thức, thái độ chấp hành pháp luật của bị cáo kém, hình phạt trước đối với bị cáo chưa đủ răn đe, giáo dục bị cáo. Do vậy, mặc dù bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nhưng Hội đồng xét xử không áp dụng dưới khung hình phạt hoặc mức hình phạt thấp nhất của điều luật như người bào chữa đề nghị mà phải áp dụng Điều 38 Bộ luật hình sự buộc bị cáo đi tập trung cải tạo một thời gian tương ứng với hình phạt của bản án cũ, cũng là phù hợp với đề nghị của Viện kiểm sát để trừng trị bị cáo, đảm bảo công tác đấu tranh phòng chống tội phạm; còn về tình tiết điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự “người phạm tội khắc phục hậu quả” mà người bào chữa đề nghị áp dụng cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy không phù hợp vì việc bị cáo giao nộp tiền và chiếc điện thoại có được từ việc bị cáo trộm cắp tài sản mà có phải xác định đó là khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội nên dù bị cáo không giao nộp thì cũng sẽ bị tịch thu nộp ngân sách nhà nước.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét hoàn cảnh gia đình bị cáo làm ruộng không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Một chiếc điện thoại di động NOKIA 109, màu đen, loại bàn phím đã qua sử dụng và số tiền 120.000 đồng là tiền do phạm tội mà có cần tịch thu số tiền và hóa giá chiếc điện thoại lấy tiền để nộp ngân sách nhà nước.

(Số tiền và chiếc điện thoại trên hiện lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản, biên bản mở niêm phong tiền vật chứng cùng ngày 16/8/2019 giữa Công an huyện Phong Thổ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ).

[8] Về án phí: Bị cáo thuộc hộ nghèo và tại phiên tòa có lời trình bày xin miễn án phí là có căn cứ theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo có quyền kháng cáo theo luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo **Phàn A V (tên gọi khác Phàn A N)** phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

2/ Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phan A V 12 (Mười hai) tháng tù. Khấu trừ thời hạn tạm giữ cho bị cáo (từ ngày 21/5/2019 đến ngày 30/5/2019). Thời hạn tù của bị cáo Phan A V tính từ ngày đi chấp hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với bị cáo.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu một chiếc điện thoại NOKIA của bị cáo để bán hóa giá lấy tiền nộp ngân sách nhà nước;

Tịch thu số tiền 120.000 đồng thu giữ được của bị cáo để nộp vào ngân sách nhà nước.

(Số tiền và chiếc điện thoại trên hiện lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự huyện có đặc điểm như biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản, biên bản mở niêm phong tiền vật chứng cùng ngày 16/8/2019 giữa Công an huyện Phong Thổ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Thổ).

4/ Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5/ Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Bị hại, người đại diện của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND hai cấp;
- CQĐT cấp huyện;
- Cơ quan THAHS cấp huyện;
- Nhà tạm giữ cấp huyện;
- Bị cáo;
- Bị hại;đại diện của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- THADS cấp huyện;
- Sở tư pháp tỉnh Lai Châu;
- Lưu: THA-HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hà